TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Lễ hội Khmer ở Nam Bộ: Từ di sản văn hóa đến thiết chế phát triển trong kỷ nguyên mới

ISSN: 2734-9195 13:09 22/04/2026

Bởi lẽ, khi hồn lễ hội còn, thì mạch nguồn văn hóa còn chảy; khi lòng dân vững, thì nền tảng phát triển của đất nước luôn bền chắc trong mọi hoàn cảnh.

Tóm tắt

Bài viết phân tích văn hóa lễ hội của đồng bào Khmer Nam Bộ dưới góc nhìn thiết chế văn hóa trong bối cảnh kỷ nguyên mới. Trên cơ sở quán triệt tinh thần Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết số 80-NQ/TW, bài viết khẳng định lễ hội Khmer không chỉ là sinh hoạt tín ngưỡng mang tính chu kỳ, mà còn là thiết chế văn hóa đặc thù, góp phần củng cố "thế trận lòng dân", trạng thái đồng thuận xã hội và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, qua đó tăng cường gắn kết cộng đồng và duy trì ổn định xã hội từ cơ sở.

Thông qua phân tích các lễ hội tiêu biểu như Chôl Chnăm Thmây, Sendolta và Oóc Om Bóc, Lễ Dâng y Kathina, bài viết làm rõ cấu trúc "lễ" - "hội" như hai trụ cột vận hành đời sống văn hóa Khmer, đồng thời chỉ ra tương đồng và khác biệt trong so sánh với không gian văn hóa Phật giáo Nam tông khu vực Đông Nam Á. Trên cơ sở đó, bài viết nhận diện những thách thức nổi lên trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, đặc biệt là nguy cơ thương mại hóa, mai một giá trị truyền thống và khoảng cách thế hệ trong tiếp nhận văn hóa.

Từ góc độ chính luận, bài viết đề xuất các định hướng xây dựng và phát huy thiết chế văn hóa lễ hội Khmer theo hướng "thiết chế động", gắn bảo tồn với phát triển du lịch bền vững, thúc đẩy số hóa di sản và phát triển nguồn nhân lực văn hóa tại chỗ. Qua đó, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trở thành nguồn lực nội sinh quan trọng trong phát triển đất nước thời kỳ mới.

Từ khóa: Văn hóa lễ hội Khmer, Thiết chế văn hóa, Thế trận lòng dân, Du lịch văn hóa bền vững



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Abstract

This article analyzes the festival culture of the Khmer people in Southern Vietnam, approaching it from the perspective of cultural institutions in the context of a new era. Grounded in the spirit of the 14th National Congress of the Communist Party of Vietnam and Resolution No. 80-NQ/TW on cultural development, the study affirms that Khmer festivals are not merely cyclical religious practices but also distinctive cultural institutions that play a vital role in consolidating the "people's trust posture," strengthening community cohesion, and maintaining social stability at the grassroots level.

Through an examination of major festivals such as Chôl Chnăm Thmây, Senđolta, Oóc Om Bóc, and the Kathina robe-offering ceremony, the article clarifies the dual structure of "ritual" and "festivity" as two fundamental pillars shaping Khmer cultural life. It also highlights both similarities and differences in comparison with the Theravada Buddhist cultural space across Southeast Asia. On that basis, the study identifies emerging challenges in the context of digital transformation and international integration, particularly the risks of commercialization, erosion of traditional values, and generational gaps in cultural reception.

From a policy-oriented perspective, the article proposes orientations for developing and promoting Khmer festival cultural institutions toward a "dynamic institutional model," linking heritage preservation with sustainable

tourism development, accelerating heritage digitization, and fostering local cultural human resources. In doing so, it contributes to realizing the goal of building an advanced Vietnamese culture imbued with national identity, serving as an important endogenous resource for national development in the new era.

Keywords: Khmer festival culture; cultural institutions; people's trust posture; sustainable cultural tourism.

Lễ hội - "trục xoay" của thiết chế văn hóa Khmer

Văn hóa lễ hội của đồng bào Khmer Nam Bộ không chỉ mang ý nghĩa bảo tồn di sản, mà còn thể hiện rõ vai trò của một **thiết chế văn hóa đặc thù**, góp phần trực tiếp vào việc củng cố "thế trận lòng dân", tăng cường sự gắn kết cộng đồng và giữ vững ổn định xã hội từ cơ sở.

Lễ hội Khmer không đơn thuần là những hoạt động tín ngưỡng mang tính chu kỳ, mà là một "không gian tổng hợp", nơi hội tụ, đan xen và cộng hưởng nhiều yếu tố cốt lõi của đời sống văn hóa. Đó là **Phật giáo Nam tông Khmer** với vai trò trục tâm linh dẫn dắt nhận thức và hành vi; là **cộng đồng phum, sóc**, nơi lưu giữ cấu trúc xã hội truyền thống; là hệ giá trị **đạo đức - nhân văn** được bồi đắp qua nhiều thế hệ; cùng với **bản sắc nghệ thuật dân gian** thể hiện sinh động qua ngôn ngữ, âm nhạc, múa hát và các hình thức diễn xướng đặc sắc.

Sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố này đã tạo nên một chỉnh thể văn hóa bền vững, trong đó lễ hội giữ vai trò như một **"trục xoay"**, vừa duy trì cấu trúc, vừa điều tiết nhịp điệu sống của cộng đồng. Thông qua lễ hội, các giá trị văn hóa không chỉ được bảo tồn mà còn được "kích hoạt", lan tỏa và tái sinh trong đời sống đương đại.

Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng, khi các dòng chảy văn hóa đa dạng đang tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội, văn hóa lễ hội Khmer cũng đang đứng trước những yêu cầu mới. Đó là yêu cầu **bảo tồn nhưng không bảo thủ; đổi mới nhưng không hòa tan**. Theo đó, lễ hội cần được nhìn nhận như một **"thiết chế văn hóa động"** có khả năng thích ứng, tự điều chỉnh và phát triển trong môi trường mới, vừa giữ được "hồn cốt" truyền thống, vừa đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại.

Lễ hội Khmer Nam Bộ nhìn từ góc độ thiết chế văn hóa

Trong không gian văn hóa đa sắc của vùng Tây Nam Bộ, nơi cộng đồng Khmer cư trú lâu đời và vẫn bảo tồn được hệ thống giá trị truyền thống tương đối nguyên vẹn, văn hóa không chỉ hiện diện như một ký ức hay tập hợp các nghi lễ mang tính hình thức. Ở đây, văn hóa sống trong đời sống thường nhật, thấm vào từng nếp sinh hoạt cộng đồng, hiện hữu qua từng mái chùa, từng phum sóc và lan tỏa qua những mùa lễ hội nối tiếp theo vòng quay của thời gian.



Không gian chùa Khmer - trung tâm sinh hoạt văn hóa, tôn giáo của cộng đồng Khmer Nam Bộ. Hình ảnh minh họa không gian kiến trúc đặc trưng của chùa Khmer, nơi diễn ra các hoạt động sinh hoạt văn hóa - tôn giáo tiêu biểu, phản ánh vai trò “trung tâm tinh thần” trong đời sống cộng đồng. Các yếu tố mỹ thuật, trang trí và bố cục không gian thể hiện rõ bản sắc văn hóa Khmer Nam Bộ trong bối cảnh lễ hội truyền thống. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.



Bảo tồn chữ viết - Gìn giữ căn cước: Lớp học chữ Pali - Khmer tại chùa. Hình ảnh minh họa lớp học chữ Pali - Khmer tại các tự viện Phật giáo Nam tông Khmer, nơi sư sãi và sa di học tập kinh điển gắn với đời sống văn hóa cộng đồng. Hoạt động này góp phần bảo tồn chữ viết truyền thống, gìn giữ bản sắc dân tộc và củng cố nền tảng văn hóa - tinh thần từ cơ sở trong bối cảnh hiện đại hóa. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.

Đó là một không gian văn hóa "đang sống", nơi truyền thống không bị đóng khung trong quá khứ, mà liên tục được tái tạo, chuyển hóa và tiếp nối giữa các thế hệ. Chính sự vận động bền bỉ ấy đã làm nên sức sống nội tại của văn hóa Khmer Nam Bộ, vừa giữ được chiều sâu bản sắc, vừa thích ứng linh hoạt với những biến đổi của đời sống đương đại.

Trung tâm của không gian văn hóa ấy chính là hệ thống **chùa Khmer (wat)**, những công trình kiến trúc tôn giáo đặc sắc, đồng thời cũng là "trái tim" của đời sống tinh thần cộng đồng. Khác với quan niệm giản đơn về một thiết chế tôn giáo thuần túy, chùa Khmer thực chất là một **thiết chế văn hóa tổng hợp**, nơi hội tụ và vận hành nhiều chức năng xã hội quan trọng. Đó vừa là nơi tu hành, vừa là **trường học truyền thống**, nơi truyền dạy chữ Khmer, giáo lý và đạo đức; vừa là **không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng**, nơi diễn ra các hoạt động lễ hội, giao lưu và giáo dục; đồng thời cũng là **trung tâm tổ chức các nghi lễ quan trọng**, gắn với vòng đời con người và chu kỳ sản xuất nông nghiệp.



Hình ảnh minh họa hoạt động giã gạo bằng cối chày gỗ của người Khmer tại khu vực nông thôn Tây Nam Bộ - một sinh hoạt lao động truyền thống gắn với đời sống thường nhật. Hoạt động này thể hiện rõ tính cộng đồng, sự gắn kết trong lao động và là nét văn hóa đặc trưng được lưu giữ, truyền nối qua nhiều thế hệ. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.



Nghệ thuật múa truyền thống Khmer Nam Bộ - vẻ đẹp sống động của bản sắc văn hóa dân tộc. Hình ảnh minh họa các nữ nghệ nhân trong trang phục truyền thống Khmer biểu diễn điệu múa dân gian với động tác uyển chuyển, tinh tế, thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa âm nhạc, vũ đạo và ngôn ngữ hình thể đặc trưng. Không gian chùa Khmer với họa tiết trang trí đặc sắc góp phần tôn vinh chiều sâu văn hóa và đời

sống tinh thần của cộng đồng. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.

Chùa Khmer không chỉ là nơi thực hành tín ngưỡng mà còn là thiết chế văn hóa tổng hợp, giữ vai trò trung tâm trong đời sống cộng đồng Khmer Nam Bộ (Keyes, 1995).

Gắn bó mật thiết với thiết chế chùa là hệ thống lễ hội, một thành tố không thể tách rời của đời sống văn hóa Khmer. Các lễ hội lớn trong năm không diễn ra ngẫu nhiên, mà luôn gắn chặt với **chu kỳ mùa vụ nông nghiệp** từ gieo trồng đến thu hoạch phản ánh mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên. Đồng thời, lễ hội cũng là nơi thể hiện sâu sắc **quan niệm về hiếu đạo, về tổ tiên**, cũng như **triết lý nhân sinh của Phật giáo Nam tông Khmer**, trong đó con người hướng đến điều thiện, sống có trách nhiệm với cộng đồng và quá khứ.

Một đặc điểm nổi bật khác là **tính cộng đồng cao và khả năng lan tỏa mạnh mẽ** của không gian văn hóa Khmer. Lễ hội không chỉ giới hạn trong phạm vi phum, sóc, mà còn trở thành những sự kiện văn hóa mở, thu hút sự tham gia của các dân tộc khác trong khu vực. Chính sự giao thoa này đã tạo nên một không gian văn hóa liên kết, nơi các giá trị được chia sẻ, tiếp biến và làm giàu lẫn nhau, qua đó góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngay từ cơ sở.

Trong cấu trúc tổng thể của đời sống văn hóa Khmer ở Nam Bộ, chùa và lễ hội không tồn tại như những thực thể tách rời, mà gắn bó hữu cơ, tương tác chặt chẽ, cùng tạo nên một **không gian văn hóa sống động, bền vững và có khả năng tự tái tạo**. Đây chính là nền tảng quan trọng để văn hóa Khmer không chỉ được bảo tồn, mà còn tiếp tục thích ứng và phát triển trong bối cảnh mới, nơi truyền thống và hiện đại đang không ngừng gặp gỡ và đối thoại.

Từ không gian vùng đến liên kết khu vực: so sánh lễ hội Phật giáo Nam tông Khmer với các quốc gia Đông Nam Á

Trong bối cảnh Đông Nam Á, Phật giáo Nam tông không chỉ là hệ thống tín ngưỡng mà còn là nền tảng đạo đức - xã hội chi phối đời sống cộng đồng (Swearer, 2010). Trên nền tảng đó, các lễ hội như Chôl Chnăm Thmây (Campuchia), Songkran (Thái Lan) hay Bunpimay (Lào) cho thấy nhiều điểm tương đồng về nghi thức và ý nghĩa văn hóa... Đặt trong bối cảnh rộng hơn của khu vực Đông Nam Á, có thể thấy văn hóa lễ hội của đồng bào Khmer Nam Bộ không tồn tại biệt lập, mà nằm trong không gian văn hóa chung của **Phật giáo Theravada (Nam tông)**, một dòng chảy văn hóa - tôn giáo trải dài từ

Campuchia, Lào, Thái Lan đến Myanmar.



Nghi thức té nước mừng năm mới trong văn hóa Phật giáo Nam tông Đông Nam Á. Hình ảnh minh họa hoạt động té nước trong dịp lễ mừng năm mới, diễn ra trong không gian chùa với sự tham gia của cộng đồng trong trang phục truyền thống. Nghi thức mang ý nghĩa thanh lọc thân tâm, cầu chúc bình an và khởi đầu mới, đồng thời phản ánh những giá trị văn hóa tương đồng trong Phật giáo Nam tông giữa các quốc gia khu vực, trong đó có Tết Chôl Chnăm Thmây của đồng bào Khmer Nam Bộ. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.

Trước hết, xét về cấu trúc, lễ hội Khmer tại Việt Nam có nhiều điểm tương đồng với các quốc gia trong khu vực. Lễ **Chôl Chnăm Thmây** của người Khmer tương ứng với **Songkran** (Thái Lan), **Bunpimay** (Lào) hay **Thingyan** (Myanmar) đều là lễ đón năm mới theo lịch Phật giáo, gắn với nghi thức tắm Phật, té nước cầu may và thanh lọc thân - tâm. Điều này cho thấy một **mẫu số văn hóa chung**: con người hướng đến sự khởi đầu mới bằng việc gột rửa những điều cũ, nuôi dưỡng điều thiện.

Các thực hành lễ hội Phật giáo Nam tông tại Thái Lan, Lào và Campuchia cho thấy tính phổ quát và sự liên kết văn hóa khu vực rõ nét (Swearer, 2010).

Tương tự, lễ **Oóc Om Bóc** của người Khmer với nghi thức cúng trăng và các hoạt động cộng đồng cũng có những điểm gần gũi với các lễ hội tạ ơn thiên nhiên trong khu vực, phản ánh chung một **triết lý sống hài hòa với tự nhiên**, đặc trưng của cư dân nông nghiệp lúa nước Đông Nam Á.



Nghi lễ Phật giáo Nam tông Khmer với sự tham gia của đông đảo phật tử tại chùa. Hình ảnh minh họa nghi lễ tôn giáo do chư tăng chủ trì trong không gian chùa Khmer, với sự tham dự trang nghiêm của cộng đồng phật tử. Nghi thức thể hiện đời sống tín ngưỡng phong phú, góp phần củng cố niềm tin, gắn kết cộng đồng và phát huy vai trò của Phật giáo Nam tông trong đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào Khmer Nam Bộ. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.

Điều làm nên bản sắc riêng của lễ hội **Khmer Nam Bộ** chính là **tính cộng đồng phum, sóc gắn chặt với thiết chế chùa** và sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tôn giáo với đời sống xã hội. Nếu như ở Thái Lan hay Myanmar, nhiều lễ hội đã mang tính quốc gia và có xu hướng "lễ hội hóa du lịch" ở quy mô lớn, thì tại Việt Nam, lễ hội Khmer vẫn giữ được **độ "ấm" của văn hóa cộng đồng**, nơi mỗi nghi lễ, mỗi hoạt động đều gắn với đời sống thực của người dân.

Một điểm khác biệt đáng chú ý là, trong khi một số quốc gia đã thương mại hóa mạnh mẽ các lễ hội truyền thống, thì lễ hội Khmer tại Việt Nam dù đang từng bước gắn với phát triển du lịch vẫn cơ bản giữ được **cân bằng giữa bảo tồn và phát triển**. Đây chính là yếu tố quan trọng giúp văn hóa Khmer không bị "biểu diễn hóa", mà vẫn giữ được chiều sâu nội tại.



Lễ hội té nước mừng năm mới trong văn hóa Phật giáo Nam tông Đông Nam Á. Hình ảnh minh họa hoạt động té nước trên đường phố trong dịp lễ mừng năm mới truyền thống, mang ý nghĩa thanh lọc, gột rửa điều không may và cầu chúc bình an. Không gian lễ hội sôi động, gắn với yếu tố cộng đồng và tín ngưỡng, phản ánh nét tương đồng văn hóa trong Phật giáo Nam tông khu vực, có liên hệ với Tết Chôl Chnăm Thmây của đồng bào Khmer Nam Bộ. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.

Từ góc độ chính luận, sự tương đồng và khác biệt này đặt ra một vấn đề có ý nghĩa chiến lược: làm thế nào để văn hóa lễ hội Khmer vừa **hội nhập vào dòng chảy khu vực**, vừa **khẳng định được bản sắc riêng trong không gian văn hóa Việt Nam**. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam **"thống nhất trong đa dạng"**, trong đó mỗi cộng đồng dân tộc vừa là một phần của chỉnh thể quốc gia, vừa là một chủ thể sáng tạo văn hóa độc đáo.

Lễ hội truyền thống không chỉ là sinh hoạt tín ngưỡng mà còn là hình thức biểu đạt di sản văn hóa phi vật thể, góp phần duy trì bản sắc và gắn kết cộng đồng (UNESCO, 2003).

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc đặt văn hóa lễ hội Khmer trong tương quan so sánh với khu vực không chỉ giúp nhận diện rõ hơn giá trị của chính mình, mà còn mở ra những cơ hội mới để **quảng bá, giao lưu và nâng tầm bản sắc văn hóa Khmer Nam Bộ** trên bản đồ văn hóa Đông Nam Á. Đây không chỉ là yêu cầu của thực tiễn phát triển, mà còn là một bước đi cần thiết để hiện thực hóa quan điểm của Nghị quyết 80-NQ/TW: đưa văn hóa

thực sự trở thành **sức mạnh mềm của quốc gia trong kỷ nguyên mới**.

Những lễ hội tiêu biểu - "di sản sống" của người Khmer

Tết Chôl Chnăm Thmây - Khởi đầu mới của đời sống và tâm thức

Tết Chôl Chnăm Thmây diễn ra vào khoảng tháng 4 dương lịch được xem là lễ hội quan trọng nhất, mở ra một chu kỳ mới trong cả đời sống vật chất lẫn tinh thần của cộng đồng. Đây không chỉ là thời khắc chuyển giao năm cũ - năm mới, mà còn là dịp để con người "làm mới" chính mình trong quan hệ với gia đình, cộng đồng và thế giới tâm linh.



Nghi thức rước lễ vật trong sinh hoạt Phật giáo Nam tông - biểu hiện của lòng thành kính và gắn kết cộng đồng. Hình ảnh minh họa đoàn người trong trang phục truyền thống tham gia rước lễ vật và tượng Phật trong không gian chùa, thể hiện nghi thức dâng cúng trang nghiêm của Phật giáo Nam tông. Hoạt động phản ánh đời sống tín ngưỡng phong phú, góp phần duy trì các giá trị văn hóa truyền thống và tăng cường sự gắn kết cộng đồng trong xã hội. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.

Không gian lễ hội được mở ra từ chùa đến từng mái nhà, với các nghi thức đặc trưng như tắm tượng Phật, té nước cầu may, thể hiện ước vọng thanh lọc, gột

rửa những điều không may mắn của năm cũ. Bên cạnh đó là các hoạt động thăm hỏi, chúc phúc, sum họp gia đình và tổ chức các trò chơi dân gian, tạo nên một không khí vừa trang nghiêm, vừa rộn ràng, ấm áp.



Nghi thức tắm tượng Phật - biểu tượng thanh lọc thân tâm trong Phật giáo Nam tông. Hình ảnh minh họa phật tử thực hiện nghi thức tắm tượng Phật trong không gian chùa, mang ý nghĩa thanh tịnh, hướng thiện và cầu an lành. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.

Ở chiều sâu văn hóa, Chôl Chnăm Thmây không chỉ là "Tết" theo nghĩa thời gian, mà còn là "Tết của tâm thức", nơi con người hướng đến điều thiện, điều lành, khởi đầu lại bằng những giá trị tích cực. Chính vì vậy, lễ hội này giữ vai trò đặc biệt trong việc tái tạo năng lượng văn hóa và củng cố niềm tin cộng đồng.

Lễ Senđolta - Đạo lý "uống nước nhớ nguồn" trong đời sống Khmer

Diễn ra vào khoảng tháng 9-10 Dương lịch, lễ Senđolta là một trong những lễ hội mang đậm chiều sâu đạo lý của người Khmer với truyền thống tưởng nhớ tổ tiên, tri ân cội nguồn. Nếu Chôl Chnăm Thmây là sự khởi đầu, thì Senđolta chính là điểm lắng, nơi con người quay về với quá khứ, với những giá trị đã làm nên mình.



Nghi thức dâng cơm cho sư sãi trong lễ Senđolta - thực hành văn hóa tri ân và gắn kết cộng đồng. Hình ảnh minh họa nghi thức dâng cơm cho sư sãi trong lễ Senđolta của đồng bào Khmer, một thực hành văn hóa mang ý nghĩa tích đức, tri ân tổ tiên và tăng cường sự gắn kết cộng đồng. Nghi lễ thể hiện rõ giá trị đạo lý, tinh thần nhân văn và vai trò của Phật giáo Nam tông trong đời sống văn hóa - xã hội của người Khmer Nam Bộ. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.

Trong những ngày lễ, các gia đình Khmer chuẩn bị lễ vật, dâng cúng tổ tiên tại nhà và tại chùa; đồng thời thực hiện nghi thức dâng cơm cho sư sãi, lễ nghi vừa mang ý nghĩa tín ngưỡng, vừa thể hiện tinh thần sẻ chia và tích đức. Không khí lễ hội vì thế mang màu sắc trang nghiêm, sâu lắng nhưng cũng rất ấm cúng, gắn kết.

Giá trị cốt lõi của Senđolta không nằm ở hình thức nghi lễ, mà ở việc củng cố đạo lý hiếu đạo - nền tảng của đạo đức xã hội. Trong bối cảnh hiện đại, khi các mối quan hệ gia đình - cộng đồng có nguy cơ bị "lỏng hóa", lễ Senđolta càng trở nên có ý nghĩa như một "cơ chế văn hóa" giúp kết nối các thế hệ, giữ gìn căn cước và bồi đắp nhân cách con người.

Lễ Oóc Om Bóc - Tri ân thiên nhiên và bản hòa ca cộng đồng

Diễn ra vào rằm tháng 10 Âm lịch, lễ Oóc Om Bóc là một trong những lễ hội đặc sắc nhất của người Khmer, gắn với nghi thức cúng trăng, biểu tượng của lòng biết ơn đối với thiên nhiên sau một mùa vụ. Đây là thời điểm cộng đồng cùng nhau nhìn lại thành quả lao động, gửi gắm ước vọng cho mùa vụ tiếp theo.



Đua ghe ngo trong lễ Oóc Om Bóc - sự kiện văn hóa, thể thao tiêu biểu của người Khmer Nam Bộ. Hình ảnh minh họa hoạt động đua ghe ngo trong lễ Oóc Om Bóc, một sự kiện văn hóa, thể thao đặc sắc, thể hiện tinh thần đoàn kết, ý chí cộng đồng và sức mạnh tập thể. Hoạt động này góp phần tôn vinh bản sắc văn hóa truyền thống, đồng thời tạo không gian giao lưu, gắn kết cộng đồng trong đời sống xã hội của đồng bào Khmer Nam Bộ. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.

Bên cạnh phần lễ mang tính tâm linh, phần hội của Oóc Om Bóc đặc biệt sôi động với các hoạt động như thả đèn nước, thưởng thức cốm dẹp và đua ghe ngo, một trong những nét đặc trưng tiêu biểu nhất của văn hóa Khmer Nam Bộ. Đua ghe ngo không chỉ là cuộc tranh tài thể thao, mà còn là biểu tượng của tinh thần đoàn kết, ý chí cộng đồng và niềm tự hào bản sắc.

Ở tầm sâu hơn, Oóc Om Bóc thể hiện rõ triết lý sống hài hòa với tự nhiên, giá trị cốt lõi của cư dân nông nghiệp lúa nước. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và những thách thức môi trường hiện nay, thông điệp văn hóa này càng trở nên mang tính thời sự sâu sắc, gợi mở những suy ngẫm về cách con người ứng xử với tự nhiên một cách bền vững.

Lễ Dâng y Kathina - thiết chế tôn giáo gắn kết cộng đồng, tái phân phối giá trị xã hội

Trong hệ thống lễ hội của đồng bào Khmer Nam Bộ, lễ Dâng y Kathina (dâng y cà sa cho chư tăng) là một trong những nghi lễ tôn giáo quan trọng nhất, diễn ra sau khi kết thúc mùa an cư kiết hạ của tăng đoàn theo truyền thống Phật giáo Nam tông.

Không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo thuần túy, lễ Dâng y còn là một thiết chế văn hóa - xã hội đặc thù, nơi hội tụ đầy đủ các yếu tố: tín ngưỡng, đạo đức, kinh tế và quan hệ cộng đồng. Thông qua nghi lễ này, phật tử thực hành cúng dường, tích lũy phước báu và thể hiện lòng thành kính đối với Tam bảo; đồng thời góp phần bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho tăng đoàn - lực lượng giữ vai trò trung tâm trong việc duy trì, truyền bá giáo lý và ổn định đời sống văn hóa - xã hội tại phum, sóc.



Không gian lễ Dâng y Kathina - biểu hiện sinh động của thiết chế "đạo - đời tương tác" trong cộng đồng Khmer Nam Bộ. Hình ảnh minh họa không gian lễ Dâng y Kathina với sự tham gia đông đảo của phật tử, thể hiện mối quan hệ gắn kết giữa đời sống tôn giáo và đời sống xã hội. Nghi lễ phản ánh quá trình chuyển hóa giá trị vật chất thành giá trị tinh thần, qua đó lan tỏa các chuẩn mực đạo đức, củng cố sự gắn kết cộng đồng và phát huy vai trò của Phật giáo Nam tông trong đời sống văn hóa Khmer Nam Bộ. Nguồn: Tư liệu tổng hợp.

Về phương diện xã hội học, lễ Dâng y Kathina còn có thể được nhìn nhận như một cơ chế tái phân phối giá trị trong cộng đồng. Nguồn lực vật chất được huy động từ nhiều gia đình, nhiều tầng lớp trong xã hội, sau đó được chuyển hóa thành giá trị tinh thần và lan tỏa trở lại cộng đồng thông qua các hoạt động giảng dạy, hướng thiện và cố kết xã hội của nhà chùa. Đây chính là biểu hiện sinh động của mối quan hệ "đạo - đời tương tác", góp phần củng cố nền tảng văn hóa và "thế trận lòng dân" từ cơ sở.

Trong bối cảnh hiện nay, khi quá trình đô thị hóa và chuyển đổi số đang tác động mạnh mẽ đến đời sống cộng đồng, lễ Dâng y Kathina vẫn giữ được giá trị cốt lõi, đồng thời có sự thích ứng linh hoạt về hình thức tổ chức, quy mô và phương thức tham gia. Điều đó cho thấy sức sống bền vững của một thiết chế văn hóa - tôn giáo đã được định hình qua nhiều thế hệ, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn bản sắc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nhận định tổng thể

Bốn lễ hội tiêu biểu: Chôl Chnăm Thmây, Senđolta, Oóc Om Bóc và Lễ Dâng Y Kathina không chỉ là những "sự kiện văn hóa", mà thực sự là những "di sản sống", phản ánh trọn vẹn thế giới quan, nhân sinh quan và hệ giá trị của người Khmer Nam Bộ.

Nếu nhìn ở bình diện rộng, có thể nhận diện rõ bốn "trục lễ hội" cơ bản cấu thành đời sống văn hóa Khmer Nam Bộ:

Chôl Chnăm Thmây - khởi đầu và tái tạo;

Senđolta -tri ân và kết nối;

Oóc Om Bóc - hòa hợp và lan tỏa;

Lễ Dâng y Kathina - tích đức và tái phân phối giá trị tinh thần, xã hội.

Bốn trục lễ hội này đã tạo nên một chu trình văn hóa khép kín, vận hành theo nhịp điệu thời gian và đời sống cộng đồng, qua đó góp phần duy trì bản sắc, củng cố nền tảng tinh thần và tăng cường khả năng thích ứng của cộng đồng Khmer trước những biến động của thời đại.

Trong kỷ nguyên mới, việc nhận diện đúng và phát huy giá trị của hệ thống lễ hội này không chỉ dừng lại ở yêu cầu bảo tồn di sản, mà cần được đặt trong tầm nhìn chiến lược: xây dựng và phát triển văn hóa như một nguồn lực nội sinh, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần các nghị quyết lớn của Đảng.

Lễ hội Khmer trong kỷ nguyên mới: thách thức và cơ hội

Bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của chuyển đổi số, hội nhập sâu rộng và cạnh tranh về "sức mạnh mềm" văn hóa - lễ hội Khmer không còn chỉ tồn tại trong không gian truyền thống của phum, sóc, mà đang đứng trước những biến

động đa chiều, đòi hỏi phải được nhìn nhận như một **thiết chế văn hóa đang vận động**.

Trong bối cảnh triển khai **Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam**, vấn đề đặt ra không chỉ là bảo tồn, mà còn là **phát huy giá trị lễ hội như một nguồn lực phát triển bền vững**.

Trước hết, có thể nhận diện rõ những **thách thức mang tính cấu trúc**. Nổi lên là nguy cơ **thương mại hóa lễ hội**, khi một số hoạt động có xu hướng bị "sân khấu hóa", chạy theo thị hiếu thị trường, làm giảm chiều sâu văn hóa và tính thiêng vốn có. Bên cạnh đó, nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống như Dù kê, Rô băm, nhạc ngũ âm... đang đứng trước nguy cơ **mai một**, do thiếu lực lượng kế cận và môi trường thực hành phù hợp. Đặc biệt, sự xuất hiện của khoảng cách thế hệ trong tiếp nhận văn hóa khi một bộ phận thanh niên Khmer chịu tác động mạnh từ các xu hướng hiện đại đã làm nảy sinh nguy cơ "đứt gãy mềm" trong truyền nối giá trị.

Trước hết là khả năng **ứng dụng chuyển đổi số trong bảo tồn và phát huy di sản lễ hội**. Việc số hóa tư liệu, xây dựng thư viện số, mã hóa QR các giá trị văn hóa, hay quảng bá lễ hội trên nền tảng số... không chỉ giúp lưu giữ lâu dài mà còn mở rộng không gian tiếp cận đến công chúng trong và ngoài nước. Đây chính là con đường để lễ hội Khmer "bước ra khỏi không gian địa lý", trở thành một phần của không gian văn hóa số toàn cầu.

Xu hướng phát triển du lịch lễ hội theo hướng bền vững đang mở ra cơ hội quan trọng để chuyển hóa các giá trị văn hóa thành nguồn lực kinh tế - xã hội. Thực tiễn tại các địa phương có đông đồng bào Khmer Nam Bộ sinh sống cho thấy, khi lễ hội được tổ chức bài bản, có định hướng rõ ràng và gắn với chiến lược phát triển dài hạn, các giá trị truyền thống không những được bảo tồn mà còn được "kích hoạt" mạnh mẽ trong đời sống đương đại.

Trong bối cảnh đó, lễ hội không chỉ dừng lại ở chức năng sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng, mà còn trở thành "điểm hội tụ" của phát triển, tạo ra sức lan tỏa đa chiều, thúc đẩy các hoạt động du lịch, dịch vụ, thương mại và nâng cao sinh kế cho người dân. Qua đó, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đồng thời khẳng định vai trò của văn hóa như một nguồn lực nội sinh bền vững trong kỷ nguyên mới.

Tại Sóc Trăng, Lễ hội Oóc Om Bóc - đua ghe ngo hằng năm đã trở thành một sự kiện văn hóa - thể thao tiêu biểu của vùng Tây Nam Bộ, thu hút hàng trăm nghìn lượt người dân và du khách trong và ngoài nước. Không chỉ dừng lại ở giá trị tinh thần, lễ hội còn tạo sinh kế cho người dân, kích thích các hoạt động dịch

vụ, du lịch, thương mại, qua đó góp phần nâng cao vị thế và hình ảnh địa phương trên bản đồ du lịch quốc gia.

Tại Cần Thơ, các hoạt động trong dịp Tết Chôl Chnăm Thmây tại hệ thống chùa Khmer ngày càng được tổ chức nền nếp, gắn kết chặt chẽ giữa yếu tố tín ngưỡng truyền thống với hoạt động quảng bá văn hóa - du lịch. Nhiều điểm chùa không chỉ là không gian sinh hoạt tôn giáo, mà còn trở thành điểm đến văn hóa đặc sắc, thu hút du khách đến tìm hiểu, trải nghiệm và giao lưu.

Nếu được định hướng đúng đắn, du lịch lễ hội không làm "phai nhạt" hay "biểu diễn hóa" văn hóa truyền thống, mà ngược lại có thể trở thành động lực nội sinh để bảo tồn từ bên trong. Khi cộng đồng trở thành chủ thể của quá trình phát triển, khi giá trị văn hóa được "sống" trong đời sống kinh tế - xã hội, thì chính du lịch sẽ góp phần nuôi dưỡng và tái tạo các giá trị ấy một cách bền vững.

Ở tầm rộng hơn, lễ hội Khmer còn có tiềm năng trở thành một **kênh quảng bá văn hóa hiệu quả trong hội nhập quốc tế**. Trong bối cảnh Đông Nam Á là không gian chung của Phật giáo Nam tông, việc kết nối, so sánh và giới thiệu lễ hội Khmer Việt Nam ra khu vực không chỉ góp phần khẳng định bản sắc, mà còn nâng cao vị thế văn hóa quốc gia.

Thách thức và cơ hội không tồn tại tách biệt, mà đan xen trong cùng một tiến trình phát triển. Vấn đề cốt lõi không phải là "giữ hay đổi", mà là **giữ cái gì, đổi cái gì và đổi như thế nào**. Theo đó, lễ hội Khmer cần được định hướng phát triển theo nguyên tắc: **bảo tồn giá trị cốt lõi, đổi mới phương thức thể hiện, mở rộng không gian lan tỏa**.

Đây cũng chính là cách hiện thực hóa tinh thần của Nghị quyết 80-NQ/TW: đưa văn hóa trở thành **nguồn lực nội sinh quan trọng**, góp phần xây dựng đất nước phát triển nhanh, bền vững, đồng thời giữ vững bản sắc trong quá trình hội nhập. Với cách tiếp cận đó, lễ hội Khmer không chỉ là di sản của quá khứ, mà sẽ trở thành **nguồn lực của tương lai**, góp phần kiến tạo một nền văn hóa Việt Nam hiện đại, giàu bản sắc và có sức lan tỏa trong khu vực và thế giới.

Nếu không có giải pháp kịp thời, nguy cơ "biểu diễn hóa" và "đứt gãy mềm" trong truyền nối văn hóa là hoàn toàn có thể xảy ra.

Định hướng xây dựng thiết chế văn hóa Khmer trong giai đoạn mới

Bước vào giai đoạn phát triển mới của đất nước, trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân đang triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV với yêu cầu "phát triển

nhanh nhưng phải bền vững, tăng trưởng kinh tế phải gắn với phát triển văn hóa, con người", việc xây dựng và hoàn thiện thiết chế văn hóa Khmer không còn là nhiệm vụ riêng của ngành văn hóa, mà trở thành một **yêu cầu chiến lược trong củng cố nền tảng tinh thần xã hội và giữ vững ổn định từ cơ sở**.

Tinh thần xuyên suốt được Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh tại Đại hội XIV là: *"Phát triển văn hóa, con người phải được đặt ở vị trí trung tâm của chiến lược phát triển; văn hóa phải thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội"*. Đặt trong bối cảnh đó, thiết chế văn hóa lễ hội Khmer cần được định vị lại, không chỉ như một di sản cần bảo tồn, mà là một **hệ sinh thái văn hóa sống, có khả năng tự vận hành, tự điều chỉnh và tạo ra giá trị mới**.

Trên cơ sở đó, có thể xác định một số định hướng trọng tâm mang tính "đột phá mềm":

Trước hết, cần **nâng tầm lễ hội Khmer thành "thiết chế văn hóa động"**, tức là không dừng lại ở việc bảo tồn nguyên trạng, mà phải chủ động tổ chức lại không gian, nội dung và phương thức vận hành lễ hội theo hướng thích ứng với đời sống hiện đại. Lễ hội phải vừa giữ được "hồn cốt", vừa có khả năng "đối thoại" với xã hội đương đại, từ đó tạo ra những giá trị văn hóa - xã hội mới.

Thứ hai, cần xác lập rõ **vai trò trung tâm của chùa Khmer như một "hạt nhân kết nối" văn hóa - xã hội**. Không chỉ là nơi thực hành tín ngưỡng, chùa cần được phát huy như một thiết chế đa chức năng: giáo dục đạo đức, truyền dạy văn hóa, tổ chức sinh hoạt cộng đồng và lan tỏa các giá trị tích cực. Đây chính là "điểm tựa mềm" giúp giữ vững nền tảng văn hóa từ cơ sở.

Thứ ba, trong bối cảnh chuyển đổi số, việc **số hóa di sản lễ hội Khmer** là yêu cầu tất yếu. Xây dựng thư viện số, bản đồ lễ hội, hệ thống dữ liệu văn hóa tích hợp QR, nền tảng truyền thông số... không chỉ giúp lưu giữ lâu dài mà còn mở rộng không gian lan tỏa, đưa văn hóa Khmer tiếp cận với thế hệ trẻ và công chúng quốc tế.

Thứ tư, cần đặc biệt chú trọng **phát triển nguồn nhân lực văn hóa tại chỗ**, nhất là đội ngũ nghệ nhân, người am hiểu văn hóa truyền thống và lực lượng kế cận trẻ. Nếu không có con người, mọi thiết chế sẽ chỉ là "vỏ hình thức". Do đó, bảo tồn văn hóa trước hết là bảo tồn con người mang văn hóa.

Thứ năm, phải gắn chặt **bảo tồn với phát triển du lịch văn hóa bền vững**, nhưng trên nguyên tắc không đánh đổi bản sắc để lấy lợi ích kinh tế ngắn hạn.

Du lịch phải trở thành "cầu nối" để văn hóa được lan tỏa, chứ không phải là "áp lực" làm biến dạng văn hóa.

Có thể nói, những định hướng trên không chỉ nhằm bảo tồn một loại hình văn hóa, mà sâu xa hơn là nhằm **xây dựng một thế trận văn hóa vững chắc từ cơ sở**, góp phần hiện thực hóa mục tiêu mà Đại hội XIV đã đặt ra: phát triển đất nước trên nền tảng văn hóa, con người và bản sắc dân tộc.

Giữ hồn lễ hội - giữ "thế trận lòng dân"

Văn hóa lễ hội của đồng bào Khmer ở Nam Bộ không chỉ là những giá trị thuộc về quá khứ, mà là một **thiết chế văn hóa sống**, đang hiện diện và tác động trực tiếp đến đời sống xã hội hôm nay. Thông qua lễ hội, các giá trị đạo đức được bồi đắp, niềm tin được củng cố, cộng đồng được gắn kết, từ đó hình thành một "thế trận lòng dân" bền vững từ cơ sở.

Khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen, vấn đề đặt ra không còn là "giữ hay không giữ", mà là **giữ bằng cách nào để văn hóa tiếp tục sống, lan tỏa và phát triển**. Giữ lễ hội không chỉ là bảo tồn hình thức, mà là giữ lấy hệ giá trị, giữ lấy "hồn cốt" văn hóa, những hợp phần làm nên bản lĩnh và sức đề kháng của một dân tộc.

Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh: "Phát triển văn hóa, con người phải được đặt ở vị trí trung tâm của chiến lược phát triển; văn hóa phải thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội". Đồng thời khẳng định: "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển". Trong ý nghĩa đó, mỗi lễ hội Khmer không chỉ là một sự kiện văn hóa, mà còn là một "pháo đài mềm" bảo vệ bản sắc, nuôi dưỡng tinh thần cộng đồng và tạo nền tảng bền vững cho phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Yêu cầu đặt ra không phải chỉ là "giữ gìn" lễ hội Khmer như một di sản, mà phải làm cho lễ hội **trở thành một nguồn lực phát triển**, một không gian lan tỏa giá trị và một kênh củng cố niềm tin xã hội. Đó cũng chính là cách thiết thực để hiện thực hóa tư tưởng xuyên suốt mà Đảng ta đã khẳng định và tiếp tục nhấn mạnh tại Đại hội XIV: ***Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi".***

Giữ hồn lễ hội là giữ căn cước văn hóa; giữ lòng dân là giữ nền tảng bền vững nhất của quốc gia. Bởi lẽ, khi hồn lễ hội còn, thì mạch nguồn văn hóa còn chảy; khi lòng dân vững, thì nền tảng phát triển của đất nước luôn bền chắc trong mọi hoàn cảnh. Khi văn hóa được đặt đúng vị trí, lễ hội không chỉ là ký ức của cộng đồng, mà trở thành năng lực kiến tạo tương lai của quốc gia.

Tác giả: **Ths Nguyễn Hoàng Hành (1) - Ths Thạch Thị Hồng Nhung (2)**

Chú thích:

1) Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo - Bộ Dân tộc và Tôn giáo

2) Nghiên cứu sinh Đại học Trà Vinh

Tài liệu tham khảo:

1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2] Bộ Chính trị (2026), *Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa trong giai đoạn mới*.

3] Bộ Dân tộc và Tôn giáo (2025-2026), *Báo cáo công tác dân tộc, tôn giáo vùng Tây Nam Bộ*.

4] Nhiều tác giả (2018-2024), *Nghiên cứu văn hóa học về lễ hội truyền thống Khmer Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

5] Nhiều tác giả (2015-2024), *Các công trình nghiên cứu về lễ hội Oóc Om Bóc và đua ghe ngo của người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

6] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan liên quan (2015–2025), *Các báo cáo và bài viết về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Khmer gắn với phát triển du lịch bền vững*.

7] UNESCO. (2003). *Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage*. Paris: UNESCO.

8] Keyes, C. F. (1995). *The golden peninsula: Culture and adaptation in mainland Southeast Asia*. Honolulu: University of Hawai‘i Press.

9] Timothy, D. J., & Nyaupane, G. P. (Eds.). (2009). *Cultural heritage and tourism in the developing world: A regional perspective*. London: Routledge.

10] Swearer, D. K. (2010). *The Buddhist World of Southeast Asia*. SUNY Press.